

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 08-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Đức Minh

Bà Trần Thị Lân

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 02-01-2018 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS ngày 23-4-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H; địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Kim Thị T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 535d/2017/HDB-XLNMB ngày 30-10-2017; ông Lương Hữu B, chức vụ: Trưởng bộ phận Tổ tụng và bà Lê Thị Ch, chức vụ: Chuyên viên hỗ trợ kinh doanh theo Giấy ủy quyền số 202a/2018/HDB-XLNMB ngày 31-5-2018 của ông Trần Thành C, chức vụ: Phó ban chỉ đạo xử lý nợ quá hạn HDBank-Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2295/2015/QĐ-TGD ngày 07-8-2015 của ông Nguyễn Hữu Đ, chức vụ: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; ông B, bà T và bà Ch có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Vũ Hồng Ph; địa chỉ: Số 130 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Ông Hoàng Đại B; địa chỉ: Số 46, tổ 3A, phường Phúc Tân, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Hồng Ph; địa chỉ: Số 130 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30-10-2017 của nguyên đơn là Ngân hàng H (HDBank) và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ngân hàng H – Chi nhánh Hồ Gươm (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á – Chi nhánh Hà Nội) và bà Vũ Hồng Ph, ông Hoàng Đại B đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: TD11/0172/HAN ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM12/0289/HAN ngày 28/12/2012 và các Khế ước nhận nợ kèm theo như sau:

Số HĐTD	Giấy nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân
TD11/0172/HAN (ngày 10/12/2011)	01-2011- TD11/0172/HAN	13/12/2011	13/12/2016	7.000.000.000
HM12/0289/HAN (ngày 28/12/2012)	01-2012- HM12/0289/LAT	29/12/2012	29/06/2013	2.000.000.000
Tổng				9.000.000.000

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Vũ Hồng Ph đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và những thay đổi trong tương lai (nếu có) của bất động sản tại địa chỉ: Số 130 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được xác định theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AN 515907, số vào sổ cấp GCN: 556; số QĐ: 1465/QĐ-UB, MS: 10127655257 do UBND quận Long Biên cấp ngày 07/7/2008 cho bà Vũ Hồng Ph.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng: 02690.2011/CCHH/HĐTC, quyền số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn bổ sung số: HAN11/0165/HĐBĐ-SĐBS01 ngày 28/12/2012.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng đã gửi thông báo, công văn yêu cầu bà Vũ Hồng Ph, ông Hoàng Đại B trả nợ và yêu cầu bà Vũ Hồng Ph bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng bà Vũ Hồng Ph, ông Hoàng Đại B không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng H đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng theo đúng quy định.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng H khởi kiện bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B thanh toán cho Ngân hàng H tổng số tiền (*tạm tính đến ngày 08-6-2018*) là: 15.901.097.836 đồng, bao gồm 7.385.587.404 đồng nợ gốc và 8.515.510.432 đồng nợ lãi.

- Buộc bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết với HDBank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

- Kể từ ngày quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn là bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã nhiều lần tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo yêu cầu ông B và bà Ph đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã tiến hành thông báo trên các Ph tiện thông tin đại chúng theo quy định của BLTTDS nhưng ông bà vẫn không đến Tòa án để giải quyết.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án giải quyết vụ án vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Vũ Hồng Ph có nơi cư trú tại địa bàn quận Long Biên, tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng thuộc địa bàn quận Long Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án trên là tranh chấp dân sự về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Ông B và bà Ph vay tiền của HDBank với mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh là hoạt động có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về kinh doanh thương mại về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Việc ký kết hợp đồng: Ngân hàng TMCP Đại Á - Chi nhánh Hà Nội (nay là Ngân hàng H - Chi nhánh Hồ Gươm) với bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: TD11/0172/HAN ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM12/0289/HAN ngày 28/12/2012 và các Khế ước nhận nợ kèm theo như sau:

Số HĐTD	Giấy nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân
TD11/0172/HAN (ngày 10/12/2011)	01-2011- TD11/0172/HAN	13/12/2011	13/12/2016	7.000.000.000
HM12/0289/HAN (ngày 28/12/2012)	01-2012- HM12/0289/LAT	29/12/2012	29/06/2013	2.000.000.000
Tổng				9.000.000.000

[4] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không

vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng H - Chi nhánh Hồ Gươm (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Á-Chi nhánh Hà Nội) đã thực hiện việc giải ngân cho ông B và bà Ph. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông B và bà Ph đã nhận đủ số tiền vay, cũng đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc và tiền lãi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu buộc bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay là 3.282.644.903 đồng (trong đó trả nợ gốc là 1.614.412.596 đồng, tiền lãi là 1.668.232.307 đồng). Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của bị đơn tính từ thời điểm giải ngân.

Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ gốc là: 7.385.587.404 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi là có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ lãi (*tính đến ngày 08-6-2018*) là: 8.515.510.836 đồng; trong đó, nợ lãi trong hạn: 1.600.200.204 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.915.310.228 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng H theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: TD11/0172/HAN ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM12/0289/HAN ngày 28/12/2012 (*tính đến ngày 08-6-2018*) tổng số tiền là: 15.901.097.836 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là: 7.385.587.404 đồng;

+ Nợ lãi là : 8.515.510.836 đồng.

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số:12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số:698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[7] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B tại Ngân hàng H, bà Vũ Hồng Ph đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và những thay đổi trong tương lai (nếu có) của bất động sản tại địa chỉ: Số 130 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được xác định theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AN 515907, số vào sổ cấp GCN: 556; số QĐ: 1465/QĐ-UB, MS: 10127655257 do UBND quận Long Biên cấp ngày 07/7/2008 cho bà Vũ Hồng Ph. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số công chứng:02690.2011/CCHH/HĐTC, quyền số:04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2011 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba để vay vốn bổ sung số: HAN11/0165/HĐBĐ-SĐBS01 ngày 28/12/2012. Việc thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được

đăng ký thế chấp và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Long Biên chứng nhận ngày 12/12/2011 theo đúng quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được thỏa thuận, ký kết trên cơ sở tự định đoạt của những người có thẩm quyền, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 122, 124, 318, 319, 323, 342, 343, 715, 716, 717, 719 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 167 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 của Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 của Nghị định số:11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do vậy, hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thể hiện: Hiện trạng tài sản thế chấp vẫn do một mình bà Vũ Hồng Ph trực tiếp quản lý, sử dụng.

Nay, Ngân hàng H yêu cầu kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B không trả được nợ cho Ngân hàng và nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông B và bà Ph vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 299, 355, 721 của Bộ luật Dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 122, 124, 299, 318, 319, 323, 342, 343, 471, 473, 474, 476, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 2 Điều 1 Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số:1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B.

2. Buộc bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B phải trả cho Ngân hàng H số tiền còn nợ (*tính đến ngày 08-6-2018*) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: TD11/0172/HAN ngày 10/12/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM12/0289/HAN ngày 28/12/2012, tổng số tiền là: 15.901.097.836 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là: 7.385.587.404 đồng;

+ Nợ lãi là: 8.515.510.432 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và tổ chức phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và những thay đổi trong tương lai (nếu có) của bất động sản tại địa chỉ: Số 130 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được xác định theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AN 515907, sổ vào sổ cấp GCN: 556; số QĐ:1465/QĐ-UB, MS: 10127655257 do UBND quận Long Biên cấp ngày 07/7/2008 cho bà Vũ Hồng Ph. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Bà Vũ Hồng Ph và ông Hoàng Đại B phải chịu: 123.901.000 đồng án phí KDTMST (mỗi người phải chịu 1/2 tiền án phí là: 61.950.000 đồng). Hoàn trả Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số: 0006469 ngày 02-01-2018 là: 61.331.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án DS Q.Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Dũng

